

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 40

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty mẹ") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty mẹ và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 19 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ: 186.445.000.000 VND.
(Một trăm tám mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng).
Số lượng cổ phiếu: 18.644.500 cổ phiếu.
Mệnh giá: 10.000 VND.
Mã chứng khoán: VTG.

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Điện thoại: (0254) 385 6445 – 385 6446
Fax: (0254) 385 6444
Email: info@vungtautourist.com.vn
Website: www.vungtautourist.com.vn

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Khu du lịch Biển Đông	Số 08 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Khách sạn Vũng Tàu – Sammy	Số 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Khách sạn Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường 02, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 275F Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ, đồ uống có cồn (rượu, bia), đồ uống không cồn (nước hoa quả, nước khoáng, nước tinh khiết, cà phê, trà), thuốc lá điếu sản xuất trong nước, dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, phòng hát karaoke, massage, vũ trường, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu, dịch vụ du lịch lữ hành trong và ngoài nước, dịch vụ bãi tắm, bãi biển (đi du thuyền), đua thuyền, leo núi, cưỡi thuyền bay; Kinh doanh dịch vụ quảng cáo; Kinh doanh bãi tắm, bãi biển; Hoạt động thể thao dưới nước, ...

2. Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Tập đoàn trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm/ ngày từ nhiệm</u>
Ông Trần Tuấn Việt	Chủ tịch/ Tổng Giám đốc	18/05/2012	01/04/2017
Ông Nguyễn Hồng Ân	Chủ tịch/ Tổng Giám đốc	01/04/2017	
Ông Nguyễn Hồng Ân	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	18/05/2012	01/04/2017
Ông Nguyễn Niệm	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	18/05/2012	28/02/2018
Ông Nguyễn Quốc Lượng	Thành viên	18/05/2012	20/10/2017
Ông Đỗ Đại Minh	Thành viên	18/05/2012	14/06/2017
Ông Nguyễn Tấn Đạt	Thành viên	18/05/2012	20/10/2017
Bà Lê Thị Thanh Hương	Thành viên	12/06/2015	20/10/2017
Bà Dương Thị Huệ	Thành viên	12/06/2015	20/10/2017
Ông Lê Chí Toàn	Thành viên	20/10/2017	
Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Thành viên/ Kế toán trưởng	20/10/2017	
Ông Lê Văn Chiến	Thành viên	20/10/2017	
Ông Tống Thành Nguyên	Thành viên	20/10/2017	

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Lý	Trưởng ban	20/10/2017	
Bà Nguyễn Thị Thành	Thành viên	20/10/2017	
Bà Vũ Ngọc Linh	Thành viên	20/10/2017	
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên	12/06/2015	20/10/2017

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Trần Tuấn Việt	Tổng Giám đốc	22/06/2012	01/04/2017
Ông Nguyễn Hồng Ân	Tổng Giám đốc	01/04/2017	
Ông Nguyễn Hồng Ân	Phó Tổng Giám đốc	22/06/2012	01/04/2017
Ông Nguyễn Niệm	Phó Tổng Giám đốc	01/07/2012	28/02/2018
Ông Lê Chí Toàn	Phó Tổng Giám đốc	08/03/2018	

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Trần Tuấn Việt	Tổng Giám đốc	22/06/2012	01/04/2017
Ông Nguyễn Hồng Ân	Tổng Giám đốc	01/04/2017	

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



NGUYỄN HỒNG AN
Chủ tịch

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 02 tháng 4 năm 2018



Số: 307/2018/BCKTHN-HCM.00768

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 02 tháng 4 năm 2018, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được nêu tại Thuyết minh 5.15 trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn ghi nhận chi phí thuê đất cho các năm 2016 và 2017 tại Bãi tắm Thủy Vân theo Thông báo tạm nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu cho diện tích sử dụng kinh doanh là 11.552,80 m². Đối với diện tích đất sử dụng còn lại trên toàn bộ diện tích đất thuê (87.007,00 m²), Tập đoàn đang kiến nghị Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu về đơn giá thuê đất áp dụng phù hợp cho từng mục đích sử dụng đối với từng khu vực đất thuê.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

	2017 VND	2016 VND	2015 VND
Thông báo tạm nộp tiền thuê đất – Chi cục thuế TP Vũng Tàu			
Diện tích đất thuê (m ²)	87.007,00	87.007,00	11.552,80
Tiền thuê đất tạm tính	21.236.620.392	21.212.096.112	4.318.436.640
Ghi nhận chi phí thuê đất trong năm	4.318.436.640	3.244.026.240	4.318.436.640
Chênh lệch chưa được ghi nhận	16.918.183.752	17.968.069.872	-

Tổng chi phí thuê đất theo thông báo nộp từ Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu chưa được Tập đoàn ghi nhận trong báo cáo các năm tài chính 2016 là 17.968.069.872 VND và năm 2017 là 16.918.183.752 VND.

Do đó, chúng tôi chưa đủ cơ sở ghi nhận các khoản chênh lệch tiền thuê đất nêu trên vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, cũng như chúng tôi chưa thể xác định ảnh hưởng đến các khoản mục liên quan trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



BUI TUYẾT VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2018-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2018

NGUYỄN NGỌC THỦY DUNG
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2782-2014-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		55.167.765.095	54.550.016.584
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	21.075.040.361	16.638.262.860
Tiền	111		17.825.040.361	6.338.262.860
Các khoản tương đương tiền	112		3.250.000.000	10.300.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.190.004.400	9.499.152.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5.2.1	18.821.032.777	18.821.032.777
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2.1	(8.731.028.377)	(11.421.880.777)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.2	3.100.000.000	2.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.027.711.911	22.665.662.385
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	18.822.651.234	23.008.487.261
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.432.153.217	2.211.387.745
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	4.897.761.477	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	9.661.196.039	14.723.151.673
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(18.820.079.939)	(17.315.394.177)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		34.029.883	38.029.883
Hàng tồn kho	140	5.8	1.312.820.294	1.755.835.799
Hàng tồn kho	141		1.312.820.294	1.755.835.799
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.562.188.129	3.991.103.540
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	673.418.114	841.202.967
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.15	10.185.361	278.392.253
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	2.878.584.654	2.871.508.320

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÍNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT


Ngày 31 tháng 12 năm 2017


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		185.245.505.545	197.957.765.026
Các khoản phải thu dài hạn	210		562.673.000	562.673.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	562.673.000	562.673.000
Tài sản cố định	220		110.942.559.992	115.325.895.757
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	110.942.559.992	115.316.806.677
Nguyên giá	222		196.698.457.694	190.562.325.379
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.755.897.702)	(75.245.518.702)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	-	9.089.080
Nguyên giá	228		581.801.000	581.801.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(581.801.000)	(572.711.920)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	346.984.178
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	346.984.178
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		62.971.525.781	67.026.075.284
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.2.3	7.897.832.918	6.203.529.593
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2.3	63.852.176.741	63.852.176.741
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2.3	(8.778.483.878)	(3.029.631.050)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		10.768.746.772	14.696.136.807
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	10.768.746.772	14.486.136.807
Lợi thế thương mại	269	5.12	-	210.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		240.413.270.640	252.507.781.610

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		72.171.933.122	77.848.200.979
Nợ ngắn hạn	310		54.126.618.641	57.108.163.029
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	3.379.117.525	7.432.683.797
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	263.484.730	545.749.293
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	24.851.080.531	18.867.941.828
Phải trả người lao động	314		50.129.153	59.006.397
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		330.601.489	100.746.565
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	22.512.808.521	22.644.751.057
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17.1	1.707.813.026	6.403.799.426
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.18	1.031.583.666	1.053.484.666
Nợ dài hạn	330		18.045.314.481	20.740.037.950
Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	3.916.034.568	4.908.744.437
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17.2	14.129.279.913	15.831.293.513
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		168.241.337.518	174.659.580.631
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	168.241.337.518	174.659.580.631
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		186.445.000.000	186.445.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		186.445.000.000	186.445.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		11.238.309.719	11.238.309.719
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(38.688.707.034)	(31.942.545.250)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(32.005.377.954)	(25.671.148.870)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		(6.683.329.080)	(6.271.396.380)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9.246.734.833	8.918.816.162
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		240.413.270.640	252.507.781.610


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng


NGUYỄN HỒNG AN
Tổng Giám đốc
Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 02 tháng 4 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		154.181.767.211	152.584.789.506
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1.1	154.181.767.211	152.584.789.506
Giá vốn hàng bán	11	6.2	76.511.243.278	79.126.160.740
Lợi nhuận gộp	20		77.670.523.933	73.458.628.766
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.622.047.832	5.089.610.394
Chi phí tài chính	22	6.4	3.928.942.925	(156.915.068)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		802.034.698	1.007.773.487
Phần lãi/ (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	28.407.868.197	32.083.799.608
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	47.616.722.272	51.999.150.252
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		1.339.038.371	(5.377.795.632)
Thu nhập khác	31	6.7	990.398.743	756.580.076
Chi phí khác	32	6.8	7.716.368.436	834.852.264
Lợi nhuận khác	40		(6.725.969.693)	(78.272.188)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.386.931.322)	(5.456.067.820)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	441.820.525	302.528.678
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.828.751.847)	(5.758.596.498)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(6.683.329.080)	(6.271.396.380)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		854.577.233	512.799.882
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	(358)	(336)



NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng



NGUYỄN HỒNG AN
Tổng Giám đốc

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 02 tháng 4 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU


Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(5.386.931.322)	(5.456.067.820)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.936.320.253	10.377.857.776
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	4.562.686.190	4.909.060.485
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(68.495.615)	(688.870)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.603.365.700)	(6.090.366.195)
Chi phí lãi vay	06	802.034.698	1.007.773.487
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	7.242.248.504	4.747.568.863
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	6.420.464.941	903.920.869
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	443.015.505	(25.164.557)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(3.285.776.330)	5.142.756.280
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	3.885.174.888	3.120.228.798
Tiền lãi vay đã trả	14	(802.034.698)	(1.007.773.487)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(387.027.113)	(1.360.951.176)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(21.901.000)	(172.770.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.494.164.697	11.347.815.590
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.274.488.873)	(13.586.363.056)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	200.781.818	551.100.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.193.015.406)	(1.000.000.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.554.593.325)	(2.845.127.058)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.374.514.500	3.902.233.509
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.376.905.356	3.571.513.108
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.069.895.930)	(9.406.643.497)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.608.000.000	985.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.006.000.000)	(3.477.200.574)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(589.491.266)	(635.301.791)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.987.491.266)	(3.127.502.365)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	4.436.777.501	(1.186.330.272)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	16.638.262.860	17.823.904.262
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	688.870
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	21.075.040.361	16.638.262.860


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng


NGUYỄN HỒNG ÂN
Tổng Giám đốc

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 02 tháng 4 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (“Công ty mẹ”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 19 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ: 186.445.000.000 VND.
(Một trăm tám mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng).
Số lượng cổ phiếu: 18.644.500 cổ phiếu.
Mệnh giá: 10.000 VND.
Mã chứng khoán: VTG.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Các công ty trong Tập đoàn kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty mẹ là:

- Bán buôn gạo;
- Mua bán cá và thủy sản, mua bán lương thực;
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; bán buôn dụng cụ y tế; bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và phẩ phẩm vệ sinh; bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự; bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; Mua bán thiết bị - dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây chì, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), máy nông ngư cơ, thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng;
- Bán buôn phân bón và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, bán buôn hóa chất dạng nguyên sinh (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông); bán buôn cao su, bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Bán buôn hợp nhất;
- Chở khách du lịch bằng xe xích lô;
- Đại lý vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy, ô tô; Đại lý khai thuế hải quan;
- Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Cho thuê xe ô tô;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ (trừ kinh doanh quầy bar, quán giải khát có khiêu vũ);
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong và ngoài nước;
- Dịch vụ kinh doanh massage, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu;
- Dịch vụ phòng hát karaoke, kinh doanh vũ trường; Dịch vụ bãi tắm, bãi biển;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ;
- Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Mua bán đồ uống không cồn (nước hoa quả, nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết, cà phê, trà); Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
- Dịch vụ Bãi biển (đi du thuyền);
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Hoạt động thể thao dưới nước, đua thuyền, leo núi, cưỡi thuyền bay;
- Dịch vụ giặt là;
- Dịch vụ trang trí phong cảnh;
- Dịch vụ chống mối mọt;
- Dịch vụ sửa chữa – bảo dưỡng trang thiết bị gia dụng, điều hòa không khí;
- In lụa, in Offset, in khắc gỗ, in ống đồng;
- Mua bán vải, hàng may sẵn, Mua bán giày dép; rèm, màn, ga trải giường, đồ thêu dệt;
- Mua bán xe ô tô (cũ và mới), Mua bán xe tải, rơ moóc, xe đặc chủng, xe địa hình, xe thể thao;
- Mua bán vật liệu xây dựng: cát, đá, sỏi, gạch ngói, xi măng;
- Mua bán các chất bôi trơn làm sạch động cơ;
- Mua bán xăm lốp xe có động cơ, các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ (ắc quy);
- Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu; Kinh doanh thiết bị chụp ảnh, tráng phim, tám kính ảnh, máy quay camera cá nhân;
- Mua bán nông sản thô chưa chế biến (lông động vật, da chưa thuộc, tơ, len thô), nông sản sơ chế (trừ hạt điều, bông vải);
- Mua bán sắt thép xây dựng, tôn và thép lá, khung nhôm, khung đồng;
- Cho thuê áo cưới, phòng cưới, quay phim, chụp ảnh, nhạc cụ;
- Trang trí các buổi biểu diễn, tổ chức sự kiện và hội chợ;
- Cắt tóc, trang điểm;
- Dịch vụ các hoạt động nhiếp ảnh;
- Hoạt động thu gom rác thải sinh hoạt;
- Dịch vụ quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản;
- Sản xuất các loại khăn lạnh, khăn giấy;
- Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và công trình hạ tầng trên đất để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và công trình hạ tầng trên đất để cho thuê, thuê quyền sử dụng đất có hạ tầng để cho thuê lại;
- Dịch vụ vệ sinh nhà ở, công sở, nhà hàng, khách sạn, biệt thự, hồ bơi, cống rãnh;
- Vận tải hành khách và khách du lịch bằng ô tô; và
- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ áp dụng loại hình dịch vụ này cho: Chi nhánh Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – Khu du lịch Biển Đông, địa chỉ: 08 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Khách sạn Vũng Tàu – Sammy, địa chỉ: 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của các công ty trong Tập đoàn không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

1.5 Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường 02, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Ăn uống; Lữ hành nội địa và quốc tế; Kinh doanh bãi biển, đi du thuyền; Hoạt động giải trí ca nô, trượt nước, ca nô kéo dù; Mua bán đồ dùng cá nhân, đồ trang sức; Mua bán quần áo may sẵn, đồ thể thao; Đại lý bán vé máy bay, tàu thủy, tàu hỏa cho khách du lịch.	50,07%	50,07%
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Số 06 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Hoạt động vui chơi giải trí, dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động, đại lý du lịch, cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí.	96,18%	96,18%
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu (*)	Số 29 Trần Hưng Đạo, Phường 01, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong nước và quốc tế.	100,00%	100,00%

(*) Hội đồng quản trị Công ty mẹ đã ban hành quyết định giải thể Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu được chuyển giao cho Công ty mẹ. Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu đang tiến hành các thủ tục để giải thể công ty.

Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	Số 65 Huyện Trần Công Chứa, Phường 08, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh hoạt động câu lạc bộ giải trí.	26,53%	26,53%
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch.	35,00%	35,00%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các Báo cáo tài chính của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 499 người (31/12/2016: 518 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của các công ty trong Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp mua lại công ty khác có giá mua cao hơn giá trị sổ sách. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa, đầu tư cải tạo

Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm: Chi phí quảng cáo, bảo hiểm, ... được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí theo thời gian hiệu lực còn lại của các hợp đồng quảng cáo, bảo hiểm, ...

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 50
Máy móc thiết bị	04 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	03 – 05

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất này có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.15 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Công cụ tài chính (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.16 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.17 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Công ty liên kết
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ	2.177.771.077	1.722.491.964
Tiền gửi ngân hàng	15.647.269.284	4.615.770.896
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	3.250.000.000	10.300.000.000
	21.075.040.361	16.638.262.860

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÍNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tiền và các khoản tương đương tiền (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư tiền và các khoản tương đương tiền có gốc ngoại tệ:

		Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt tồn quỹ	USD	100,00	2.263.500
Tiền gửi ngân hàng	USD	277,35	6.227.050
		377,35	8.490.550

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1 Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<i>Cổ phiếu</i>						
Công ty cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu giải trí	16.368.660.000	(*)	(6.278.655.600)	16.368.660.000	(*)	(8.969.508.000)
Công ty cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	2.452.372.777	(*)	(2.452.372.777)	2.452.372.777	(*)	(2.452.372.777)
	18.821.032.777		(8.731.028.377)	18.821.032.777		(11.421.880.777)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Số dư đầu năm	11.421.880.777	12.768.660.000
Hoàn nhập trong năm	(2.690.852.400)	(1.346.779.223)
Số dư cuối năm	8.731.028.377	11.421.880.777

5.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng		
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu	1.100.000.000	1.100.000.000
• Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh – Chi nhánh Vũng Tàu	1.500.000.000	1.000.000.000
• Ngân hàng TMCP Á Châu	500.000.000	-
	3.100.000.000	2.100.000.000

5.2.3 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	(a) 6.707.832.918	-	(*)	5.013.529.593	-	(*)
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	(b) 1.190.000.000	(1.190.000.000)	(*)	1.190.000.000	-	(*)
	7.897.832.918	(1.190.000.000)		6.203.529.593		

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	28.602.790.000	-	(*)	28.602.790.000	-	(*)
Công ty cổ phần Lạc Việt	13.000.000.000	(3.635.293.878)	(*)	13.000.000.000	(1.860.441.050)	(*)
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu Sài Gòn	9.390.560.000	-	(*)	9.390.560.000	-	(*)
Công ty cổ phần Du lịch Sinh thái Long Hải	3.468.701.654	-	(*)	3.468.701.654	-	(*)
Công ty TNHH Nam Biển Đông	3.326.935.087	-	(*)	3.326.935.087	-	(*)
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm (c)	2.784.000.000	(2.784.000.000)	(*)	2.784.000.000	-	(*)
Công ty cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu giải trí	1.169.190.000	(1.169.190.000)	(*)	1.169.190.000	(1.169.190.000)	(*)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện Thành Công	800.000.000	-	(*)	800.000.000	-	(*)
Công ty cổ phần San hô Xanh Côn Đảo	800.000.000	-	(*)	800.000.000	-	(*)
Công ty cổ phần Du lịch An Hoa	500.000.000	-	(*)	500.000.000	-	(*)
Hợp tác xã Du lịch Biển Xanh	10.000.000	-	(*)	10.000.000	-	(*)
	63.852.176.741	(7.588.483.878)		63.852.176.741	(3.029.631.050)	

Tình hình hoạt động của các khoản đầu tư

Công ty liên kết

- Công ty cổ phần Đầu tư khách sạn Biển Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500770108 thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 9 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 49.000.000.000 VND; trong đó, Tập đoàn cam kết góp 13.000.000.000 VND, tương đương 26,53% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã góp 5.013.529.593 VND, tương đương 10,23% vốn điều lệ. Công ty cổ phần Đầu tư khách sạn Biển Đông đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501454916 ngày 28 tháng 8 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 20.000.000.000 VND; trong đó, Tập đoàn cam kết góp 7.000.000.000 VND, tương đương 35,00% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã góp 1.190.000.000 VND, tương đương 5,95% vốn điều lệ.

Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 6023/UBND-VP ngày 02 tháng 8 năm 2016 về việc chấm dứt hiệu lực chủ trương cho Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm đầu tư dự án Khu du lịch vui chơi, giải trí và thể thao quốc phòng tại thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ.

Đầu tư dài hạn khác

- Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500613923 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 100.000.000.000 VND; trong đó, Tập đoàn cam kết góp 10.000.000.000 VND, tương đương 10,00% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn đã góp 2.784.000.000 VND, tương đương 2,78% vốn điều lệ.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã thu hồi 152.619,5 m² đất cho Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm thuê để thực hiện dự án đầu tư Khu du lịch Minh Đạm tại thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	3.029.631.050	3.029.631.050
Trích lập trong năm	5.748.852.828	-
Số dư cuối năm	8.778.483.878	3.029.631.050

Các cam kết góp vốn nhưng chưa thực hiện tại ngày kết thúc năm tài chính 31 tháng 12 năm 2017

	Vốn điều lệ của đơn vị nhận vốn đầu tư VND	Cam kết góp vốn của Tập đoàn		
		Vốn cam kết góp VND	Vốn đã góp đến 31/12/2017 VND	Vốn chưa góp đến 31/12/2017 VND
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	49.000.000.000	13.000.000.000	6.707.832.918	6.292.167.082
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	20.000.000.000	7.000.000.000	1.190.000.000	5.810.000.000
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm	100.000.000.000	10.000.000.000	2.784.000.000	7.216.000.000
Công ty cổ phần Du lịch Sinh thái Long Hải	60.000.000.000	3.500.000.000	3.468.701.654	31.298.346
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu Sài Gòn	120.000.000.000	12.000.000.000	9.390.560.000	2.609.440.000
Công ty TNHH Nam Biển Đông	25.000.000.000	3.572.350.000	3.326.935.087	245.414.913
		49.072.350.000	26.868.029.659	22.204.320.341

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	107.732.930	107.732.930
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện Thành Công	3.878.297.384	3.878.297.384
Công ty TNHH Hoàng Trung	2.466.577.510	2.466.577.510
Công ty Du lịch Bưu điện Bắc Kinh	1.825.472.115	2.572.765.900
Các khách hàng khác	10.544.571.295	13.983.113.537
	18.822.651.234	23.008.487.261

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng có gốc ngoại tệ là 62.766,00 USD tương đương 1.422.991.600 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>		
DNTN Minh Tuấn	964.454.130	964.454.130
Công ty TNHH TMDV Chinh Phong	176.542.459	176.542.459
Công ty TNHH XD TM DL Long Thái Hà	168.181.818	168.181.818
Trả trước nhà cung cấp khác	122.974.810	902.209.338
	1.432.153.217	2.211.387.745

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Phải thu các đối tượng khác</i>		
Ông Nguyễn Vũ Hưng	2.465.477.947	-
Ông Đỗ Minh Đức	2.432.283.530	-
	4.897.761.477	-

Theo Biên bản họp cổ đông ngày 31/03/2017 của Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân, các cổ đông đã nhất trí thông qua việc chuyển khoản phải thu ngắn hạn từ khoản chi trả nguồn vốn khấu hao cho các cổ đông tại ngày 31/12/2016 thành khoản cho vay với lãi suất là 0.00% (không phần trăm), thời hạn hoàn trả căn cứ theo nhu cầu đầu tư của Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân và sau khi nhận được Thông báo hoàn trả trước 30 (ba mươi) ngày.

5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	Giá trị VND	31/12/2017 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2017 Dự phòng VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm - Ứng trước tiền góp vốn	10.425.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Các khoản bảo hiểm nộp thừa	49.022.837	-	6.461.548	-
Tạm ứng nhân viên	2.409.131.685	(1.286.491.185)	2.832.642.895	(156.275.899)
Ký quỹ ngắn hạn	122.043.444	-	220.087.648	-
Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn - Bình Châu - cổ tức	2.288.223.200	-	1.716.167.400	-
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu Sài Gòn	1.031.649.425	-	1.031.649.425	-
Cổ đông không kiểm soát tại Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	-	-	4.729.654.862	-
Phải thu khác	3.750.700.448	(2.790.417.140)	4.186.487.895	(2.785.916.959)
	9.661.196.039	(4.076.908.325)	14.723.151.673	(2.942.192.858)

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	Giá trị VND	31/12/2017 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2017 Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Ký quỹ lữ hành quốc tế	500.000.000	-	500.000.000	-
Ký quỹ thuê văn phòng	62.673.000	-	62.673.000	-
	562.673.000	-	562.673.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.7 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	31/12/2017		Thời gian quá hạn	01/01/2017	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND
Bên liên quan						
Công ty Cổ phần Giải trí thể thao Minh Đạm	Trên 2 năm	107.732.930	(107.732.930)	Trên 2 năm	107.732.930	-
Các tổ chức và cá nhân khác						
- Phải thu tiền bán hàng Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Thành Công	Trên 3 năm	3.878.297.384	(3.878.297.384)	Trên 3 năm	3.878.297.384	(3.878.297.384)
Công ty TNHH Hoàng Trung	Trên 3 năm	2.466.577.510	(2.466.577.510)	Trên 3 năm	2.466.577.510	(2.466.577.510)
Công ty TNHH Thiện Trân	Trên 3 năm	1.438.306.242	(1.438.306.242)	Trên 3 năm	1.438.306.242	(1.438.306.242)
Công ty TNHH Tiểu Hưng Long	Trên 3 năm	1.825.472.115	(1.825.472.115)	Trên 3 năm	1.825.472.115	(1.825.472.115)
Các tổ chức và cá nhân khác		3.861.859.526	(3.827.970.026)		3.706.549.979	(3.623.551.479)
- Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.198.815.407	(1.198.815.407)		1.140.996.589	(1.140.996.589)
- Phải thu khác		2.790.417.140	(2.790.417.140)		2.785.916.959	(2.785.916.959)
- Tạm ứng		1.286.491.185	(1.286.491.185)		156.275.899	(156.275.899)
		18.853.969.439	(18.820.079.939)		17.506.125.607	(17.315.394.177)

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	17.315.394.177	11.059.554.469
Trích lập trong năm	1.667.635.456	6.255.839.708
Hoàn nhập trong năm	(162.949.694)	-
Số dư cuối năm	18.820.079.939	17.315.394.177

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	487.585.818	-	683.039.224	-
Công cụ, dụng cụ	126.903.762	-	306.540.655	-
Hàng hóa	698.330.714	-	766.255.920	-
	1.312.820.294	-	1.755.835.799	-

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	223.609.878	233.767.272
Chi phí khác	449.808.236	607.435.695
	673.418.114	841.202.967

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Lợi thế thương mại	3.394.509.435	5.140.496.034
Chi phí sửa chữa, đầu tư cải tạo	3.962.033.655	5.369.724.409
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.783.867.924	2.744.458.241
Chi phí khác	628.335.758	1.231.458.123
	10.768.746.772	14.486.136.807

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2017	169.062.546.823	8.155.492.928	7.346.704.453	554.966.556	5.442.614.619	190.562.325.379
Mua sắm trong năm	4.153.581.600	200.608.182	757.359.091	-	1.162.940.000	6.274.488.873
Thanh lý/ Xóa sổ	(138.356.558)	-	-	-	-	(138.356.558)
Phân loại lại	-	(283.570.345)	-	(36.818.182)	320.388.527	-
Vào ngày 31/12/2017	173.077.771.865	8.072.530.765	8.104.063.544	518.148.374	6.925.943.146	196.698.457.694
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2017	60.198.569.178	5.459.390.933	5.826.214.406	485.830.777	3.275.513.408	75.245.518.702
Khấu hao trong năm	8.501.080.744	589.624.859	844.354.618	14.701.820	698.973.517	10.648.735.558
Thanh lý/ Xóa sổ	(138.356.558)	-	-	-	-	(138.356.558)
Phân loại lại	-	(56.135.134)	-	(9.204.546)	65.339.680	-
Vào ngày 31/12/2017	68.561.293.364	5.992.880.658	6.670.569.024	491.328.051	4.039.826.605	85.755.897.702
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2017	108.863.977.645	2.696.101.995	1.520.490.047	69.135.779	2.167.101.211	115.316.806.677
Vào ngày 31/12/2017	104.516.478.501	2.079.650.107	1.433.494.520	26.820.323	2.886.116.541	110.942.559.992
<i>Trong đó: Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng</i>						
Vào ngày 01/01/2017	2.008.737.547	990.296.732	1.017.857.391	405.569.600	1.268.916.358	5.691.377.628
Vào ngày 31/12/2017	2.858.376.029	3.099.256.557	1.824.893.478	594.734.650	1.653.527.335	10.030.788.049

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 28.826.930.139 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty mẹ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (Xem thuyết minh số 5.17.2).

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2017	581.801.000
Tại ngày 31/12/2017	581.801.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2017	572.711.920
Khấu hao trong năm	9.089.080
Tại ngày 31/12/2017	581.801.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2017	9.089.080
Tại ngày 31/12/2017	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.12 Lợi thế thương mại

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty cổ phần Du lịch Thủy Vân VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2017	2.100.000.000
Điều chỉnh khác	68.495.615
Tại ngày 31/12/2017	2.168.495.615
Phân bổ lũy kế	
Tại ngày 01/01/2017	1.890.000.000
Phân bổ trong năm	278.495.615
Tại ngày 31/12/2017	2.168.495.615
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2017	210.000.000
Tại ngày 31/12/2017	-

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá trị	31/12/2017	Giá trị	01/01/2017
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Cửa hàng Thanh Dương	243.989.000	243.989.000	396.987.700	396.987.700
Các nhà cung cấp khác	3.135.128.525	3.135.128.525	7.035.696.097	7.035.696.097
	3.379.117.525	3.379.117.525	7.432.683.797	7.432.683.797

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Mytour VN	38.678.508	146.551.028
Các khách hàng khác	224.806.222	399.198.265
	263.484.730	545.749.293

5.15 Thuế

	01/01/2017		Số phát sinh trong năm		31/12/2017	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp/ được khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng nội địa (*)	-	874.398.231	11.195.057.549	(11.348.675.197)	10.185.361	730.965.944
Thuế TTĐB hàng bán (*)	-	3.214.312	339.129.867	(339.129.868)	-	3.214.311
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	2.870.865.911	430.340.905	3.559.937.063	(762.756.223)	2.870.865.911	3.227.521.745
Thuế thu nhập cá nhân	642.409	59.210.733	410.991.303	(453.342.379)	7.718.743	23.935.991
Tiền thuế đất	-	17.500.777.647	12.322.123.504	(8.957.458.611)	-	20.865.442.540
Các loại thuế khác	-	-	263.612.092	(263.612.092)	-	-
Cộng	2.871.508.320	18.867.941.828	28.090.851.378	(22.124.974.370)	2.888.770.015	24.851.080.531

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuế (tiếp theo)

(*) Trong đó, theo Kết luận thanh tra số 324/KLTT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về thanh tra toàn diện hoạt động của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trong 04 năm (2011 – 2014), số thuế Công ty mẹ phải nộp tăng thêm như sau:

Thuế giá trị gia tăng	477.414.420
Thuế tiêu thụ đặc biệt	339.129.867
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.118.116.538
	3.934.660.825

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế và tính toán của Ban lãnh đạo Tập đoàn căn cứ vào đơn giá và diện tích đất thuê theo qui định hiện hành.

Theo các thông báo tạm nộp tiền thuê đất tại Bãi tắm Thủy Vân của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu, Tập đoàn tạm ghi nhận chi phí thuê đất cho kỳ kế toán như sau:

	Công ty mẹ VND	Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong VND	Cộng VND
Diện tích đất thuê (m ²)	54.171,10	32.835,90	87.007,00
Diện tích đất sử dụng kinh doanh (m ²)	7.880,20	3.672,60	11.552,80
Tiền thuê đất tạm tính kỳ 01 (VND)	6.624.291.726	3.994.018.470	10.618.310.196
Tiền thuê đất tạm tính kỳ 02 (VND)	6.624.291.726	3.994.018.470	10.618.310.196
	13.248.583.452	7.988.036.940	21.236.620.392
Trong đó:			
Ghi nhận chi phí thuê đất trong năm (VND)	2.945.618.760	1.372.817.880	4.318.436.640
Chênh lệch chưa được ghi nhận (VND)	10.302.964.692	6.615.219.060	16.918.183.752

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Năm 2017, các công ty trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông – tiền thuê đất 2007	21.642.100	21.642.100
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm – thuế GTGT	15.195.727	15.195.727
Phải trả ngắn hạn các tổ chức, cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	122.968.130	78.394.250
Cổ tức phải trả	10.332.391.800	10.332.391.800
Ông Nguyễn Ngọc Mỹ - Tiền đặt cọc mua khoản đầu tư	7.399.152.000	3.600.000.000
Sở Tài chính Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	540.000.000	-
Thanh tra Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – Thu hồi khoản chi không đúng quy định	483.272.420	-
Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – Tiền thuế phạt, truy thu	1.654.411.304	172.619.614
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	715.344.850	97.483.000
Phải trả khác	1.228.430.190	8.327.024.566
	22.512.808.521	22.644.751.057

5.16.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả dài hạn các tổ chức, cá nhân khác		
Lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ tiền bán cổ phần tạm thu lúc cổ phần hóa	-	336.725.655
Sở Tài chính Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Tạm ứng vốn kinh doanh	249.800	249.800
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.915.784.768	4.571.768.982
	3.916.034.568	4.908.744.437

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
Giá trị	Số có khả năng	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
VND	trả nợ	trả nợ	VND	trả nợ
VND	VND	VND	VND	VND
Vay cá nhân ngắn hạn	-	-	4.085.000.000	4.085.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả				
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu	1.543.813.026	1.543.813.026	2.154.799.426	2.154.799.426
• Quỹ bảo vệ môi trường Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	164.000.000	164.000.000	164.000.000	164.000.000
	1.707.813.026	1.707.813.026	6.403.799.426	6.403.799.426

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm:

	Tại ngày 01/01/2017	Vay trong năm/ Kết chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả	Thanh toán trong năm	Tại ngày 31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Vay cá nhân ngắn hạn	4.085.000.000	1.608.000.000	(5.693.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	2.318.799.426	1.702.013.600	(2.313.000.000)	1.707.813.026
	6.403.799.426	3.310.013.600	(8.006.000.000)	1.707.813.026

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Giá trị	31/12/2017 Số có khả năng trả nợ	Giá trị	01/01/2017 Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường (*) Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	240.937.300	240.937.300	240.937.300	240.937.300
Vay dài hạn				
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (**)	14.052.342.613	-	14.052.342.613	-
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (***)	1.538.013.600	1.538.013.600	3.687.013.600	3.687.013.600
Vay dài hạn đến hạn trả				
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu	(1.702.013.600)	(1.702.013.600)	(2.149.000.000)	(2.149.000.000)
	14.129.279.913	76.937.300	15.831.293.513	1.778.950.900

Chi tiết các khoản vay dài hạn trong năm

(*) Khoản vay Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
 Hợp đồng vay vốn Số 01/2014/HĐVV ngày 12 tháng 6 năm 2014 và
 Phụ lục số 01/2015/PL.HĐVV ngày 12 tháng 11 năm 2015
 Hạn mức: 1.000.000.000 VND
 Mục đích: Xây dựng hệ thống xử lý nước sinh hoạt công suất 70m³/ngày đêm.
 Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên
 Lãi suất: 4,8%/năm. Lãi tính định kỳ 03 tháng/lần vào ngày cuối cùng của kỳ trả lãi.
 Tài sản đảm bảo: Ngân hàng TMCP Công thương bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh số
 880361400449 ngày 08 tháng 8 năm 2014.

(**) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu phát sinh trước
 cổ phần hóa và hiện đã được khoan nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

(***) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu:

Hợp đồng tín dụng:	880/KHTD/2013/4774 ngày 28/01/2013; 9601/2015-HĐTDDA/NHCT880-DULICH ngày 04/06/2015 và phụ lục; và 9601/2015-HĐTDDA/NHCT880-DULICH-OTO ngày 04/06/2015 và phụ lục.
Mục đích:	Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp khách sạn Sammy – Vũng Tàu tại 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và mua phương tiện vận tải.
Thời hạn vay:	60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên đến 29/01/2018. Ấn hạn trong 03 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên.
Lãi suất vay:	Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm vay và được điều chỉnh mỗi tháng 1 lần. Lãi suất vay bằng tổng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 5%/năm. Lãi suất cơ sở được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau do ngân hàng công bố cộng (+) chi phí huy động vốn tăng thêm (chỉ áp dụng trong trường hợp có biến động tiền tệ).
Tài sản đảm bảo:	Quyền sở hữu công trình xây dựng khách sạn Sammy – Vũng Tàu tại 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (bao gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 599767, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 777472650900183 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 22 tháng 12 năm 2008).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Dưới 1 năm	1.707.813.026	2.313.000.000
Trên 1 năm đến dưới 5 năm	76.937.300	1.778.950.900
Trên 5 năm	14.052.342.613	14.052.342.613
	15.837.092.939	18.144.293.513

5.18 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	1.053.484.666	1.226.254.666
Chi trong năm	(21.901.000)	(172.770.000)
Số dư cuối năm	1.031.583.666	1.053.484.666

5.19 Vốn chủ sở hữu

5.19.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	186.445.000.000	11.238.309.719	(25.671.148.870)	9.039.238.071	181.051.398.920
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	(6.271.396.380)	512.799.882	(5.758.596.498)
Chia cổ tức	-	-	-	(633.221.791)	(633.221.791)
Số dư tại ngày 31/12/2016	186.445.000.000	11.238.309.719	(31.942.545.250)	8.918.816.162	174.659.580.631
Số dư tại ngày 01/01/2017	186.445.000.000	11.238.309.719	(31.942.545.250)	8.918.816.162	174.659.580.631
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	(6.683.329.080)	854.577.233	(5.828.751.847)
Chia cổ tức	-	-	-	(589.491.266)	(589.491.266)
Điều chỉnh khác	-	-	(62.832.704)	62.832.704	-
Số dư tại ngày 31/12/2017	186.445.000.000	11.238.309.719	(38.688.707.034)	9.246.734.833	168.241.337.518

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 19 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp:

Vốn điều lệ:	186.445.000.000	VND
Tổng số cổ phần:	18.644.500	cổ phần
Mệnh giá cổ phần:	10.000	VND

Trong đó:

Cổ đông	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	109.784.000.000	58,88	109.784.000.000	58,88
Các cổ đông khác	76.661.000.000	41,12	76.661.000.000	41,12
	186.445.000.000	100,00	186.445.000.000	100,00

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.644.500	18.644.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.644.500	18.644.500
• Cổ phiếu phổ thông	18.644.500	18.644.500
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.644.500	18.644.500
• Cổ phiếu phổ thông	18.644.500	18.644.500
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	31/12/2017	01/01/2017
Dollar Mỹ (USD)	377,35	619,15

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu

6.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2017	2016
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn	131.220.146.018	121.114.652.172
Doanh thu dịch vụ lữ hành	22.933.621.193	31.470.137.334
Doanh thu khác	28.000.000	-
	154.181.767.211	152.584.789.506

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.2 Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn - nhà hàng, khách sạn	54.704.500.630	49.207.018.489
Giá vốn - lữ hành	21.806.742.648	29.919.142.251
	76.511.243.278	79.126.160.740

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	488.788.149	465.841.840
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.288.223.138	3.547.928.001
Lãi chuyển nhượng quyền mua chứng khoán	715.072.500	1.029.704.400
Lãi chênh lệch tỷ giá	129.964.045	46.136.153
	3.622.047.832	5.089.610.394

6.4 Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	802.034.698	1.007.773.487
Dự phòng/ (hoàn nhập) đầu tư tài chính	3.058.000.428	(1.346.779.223)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	439.960	635.040
Chi phí tài chính khác	68.467.839	181.455.628
	3.928.942.925	(156.915.068)

6.5 Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	15.221.642.130	15.500.072.054
Chi phí bán hàng khác	13.186.226.067	16.583.727.554
	28.407.868.197	32.083.799.608

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	19.560.025.138	19.299.697.614
Chi phí thuê đất	12.322.123.504	10.709.729.439
Chi phí quản lý khác	15.734.573.630	21.989.723.199
	47.616.722.272	51.999.150.252

6.7 Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	183.765.910	289.109.808
Thu cho thuê mặt bằng	-	330.214.550
Thu nhập khác	806.632.833	137.255.718
	990.398.743	756.580.076

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.8 Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND
Phạt thuế, truy thu thuế, vi phạm hành chính...	7.181.115.639	696.631.844
Chi phí khác	535.252.797	138.220.420
	7.716.368.436	834.852.264

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.311.620.385	31.527.675.928
Chi phí nhân công	47.100.760.502	45.383.200.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.936.320.253	10.167.857.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.517.710.315	41.886.594.238
Chi phí khác	31.262.298.294	29.070.710.639
	149.128.709.749	158.036.039.464

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(6.683.329.080)	(6.271.396.380)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(6.683.329.080)	(6.271.396.380)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	18.644.500	18.644.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(358)	(336)
	2017	2016
Cổ phiếu đang lưu hành đầu năm	18.644.500	18.644.500
Cổ phiếu đang lưu hành đầu cuối năm	18.644.500	18.644.500
Cổ phiếu phổ thông của đang lưu hành bình quân trong năm	18.644.500	18.644.500

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1 Tiền thu từ đi vay

	2017 VND	2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.608.000.000	985.000.000
	1.608.000.000	985.000.000

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	2017 VND	2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	8.006.000.000	3.477.200.574
	8.006.000.000	3.477.200.574

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm có: rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây hợp nhất thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Các khoản vay và nợ thuê TC	1.707.813.026	76.937.300	14.052.342.613	15.837.092.939
Phải trả người bán	3.379.117.525	-	-	3.379.117.525
Phải trả khác và chi phí phải trả	20.040.403.421	3.916.034.568	-	23.956.437.989
	25.127.333.972	3.992.971.868	14.052.342.613	43.172.648.453
Tại ngày 31/12/2016				
Các khoản vay và nợ thuê TC	6.403.799.426	1.778.950.900	14.052.342.613	22.235.092.939
Phải trả người bán	7.432.683.797	-	-	7.432.683.797
Phải trả khác và chi phí phải trả	22.667.103.372	4.908.744.437	-	27.575.847.809
	36.503.586.595	6.687.695.337	14.052.342.613	57.243.624.545

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Tài sản tài chính				
Chứng khoán kinh doanh	10.090.004.400	7.399.152.000	10.090.004.400	7.399.152.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.100.000.000	2.100.000.000	3.100.000.000	2.100.000.000
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	5.278.295.027	13.336.498.887	5.278.295.027	13.336.498.887
<i>Phải thu khác</i>	4.412.624.377	11.650.459.185	4.412.624.377	11.650.459.185
Tài sản tài chính dài hạn	55.073.692.863	60.822.545.691	55.073.692.863	60.822.545.691
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	21.075.040.361	16.638.262.860	21.075.040.361	16.638.262.860
Tổng cộng	99.029.657.028	111.946.918.623	99.029.657.028	111.946.918.623
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
<i>Vay và nợ thuê tài chính</i>	15.837.092.939	22.235.092.939	15.837.092.939	22.235.092.939
<i>Phải trả người bán</i>	3.379.117.525	7.432.683.797	3.379.117.525	7.432.683.797
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	23.956.437.989	27.575.847.809	23.956.437.989	27.575.847.809
Tổng cộng	43.172.648.453	57.243.624.545	43.172.648.453	57.243.624.545

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn thế chấp tài sản của mình cho các khoản vay (Xem thuyết minh số 5.10 và 5.17).

Tập đoàn nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác (Xem thuyết minh số 5.16).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Hoạt động của Tập đoàn bao gồm:

- Kinh doanh khách sạn và các dịch vụ đi kèm: bao gồm khách sạn, nhà hàng dịch vụ ăn uống, giải khát, kinh doanh khu du lịch, vui chơi, giải trí; và
- Đại lý lữ hành và điều hành tour du lịch.

Chi tiết kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh trong năm như sau:

Công ty liên quan	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng VND	Kinh doanh lữ hành VND	Cộng VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	131.248.146.018	22.933.621.193	154.181.767.211
Doanh thu hoạt động tài chính	3.477.566.249	144.481.583	3.622.047.832
Thu nhập khác	990.398.743	-	990.398.743
	135.716.111.010	23.078.102.776	158.794.213.786
Giá vốn hàng bán	54.704.500.630	21.806.742.648	76.511.243.278
Chi phí tài chính	3.845.154.965	83.787.960	3.928.942.925
Chi phí bán hàng	28.407.868.197	-	28.407.868.197
Chi phí quản lý doanh nghiệp	46.020.231.550	1.596.490.722	47.616.722.272
Chi phí khác	7.111.453.244	604.915.192	7.716.368.436
	140.089.208.586	24.091.936.522	164.181.145.108
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.373.097.576)	(1.013.833.746)	(5.386.931.322)

9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền lương, tiền thưởng	899.988.562	1.049.731.043
Thù lao	349.900.000	19.000.000
	1.249.888.562	1.068.731.043

Tập đoàn không có giao dịch và số dư phải thu/ (phải trả) với các thành viên chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

9.2.2 Giao dịch và số dư với các bên có liên quan khác

Gia dịch giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:


Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	Góp vốn	1.694.303.325	651.929.593
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Ứng trước tiền góp vốn	10.425.000	-


Số dư phải thu/ (phải trả) giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Ứng trước tiền góp vốn Phải thu khách hàng Phải trả khác	10.425.000 107.732.930 (15.195.727)	- 107.732.930 (15.195.727)
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	Phải trả khác	(21.642.100)	(21.642.100)

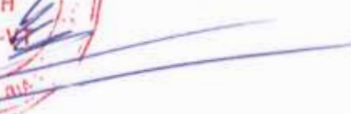
9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.


 NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
 Người lập biểu


 NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
 Kế toán trưởng




 NGUYỄN HỒNG ÂN
 Tổng Giám đốc
 Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 02 tháng 4 năm 2018